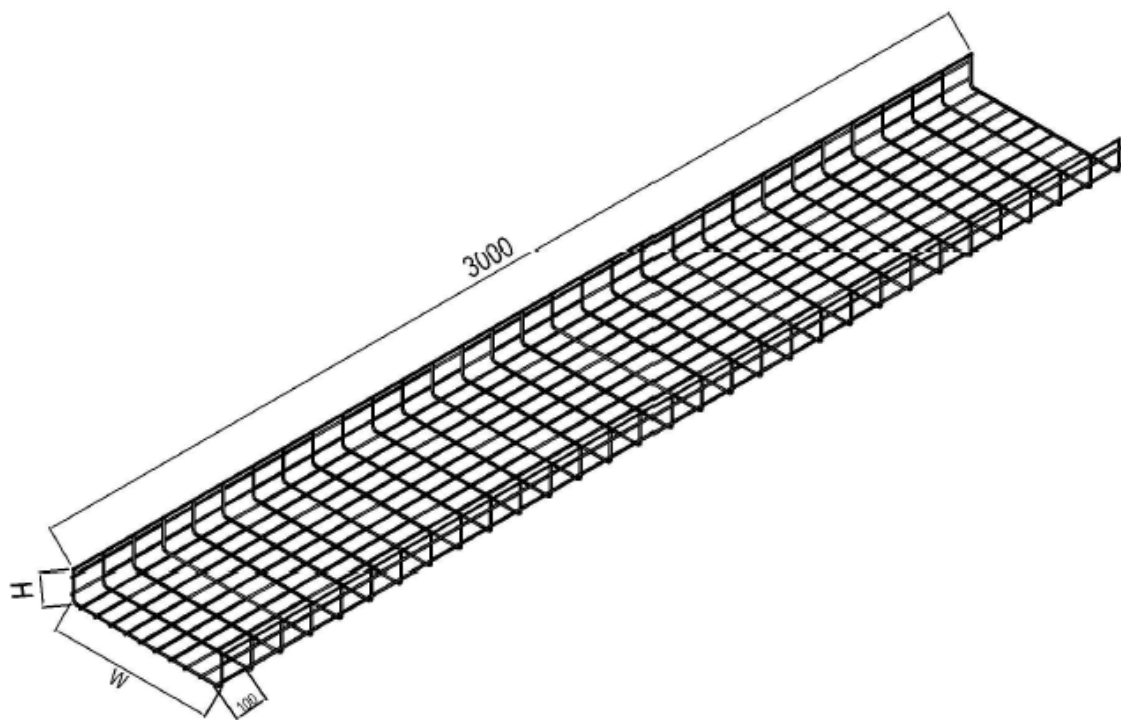


MCW. WIRE MESH TRAY

MÁNG LƯỚI MCW



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN MEE
MEE MECHANICAL ELECTRICAL ENGINEERING JSC

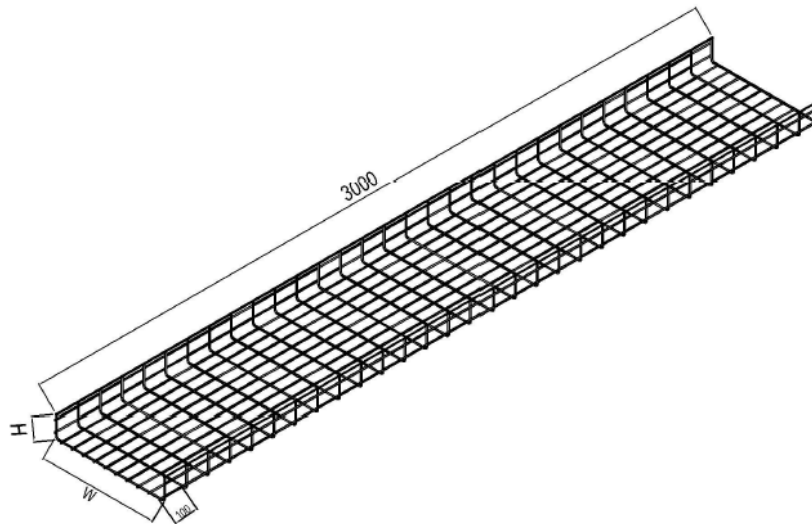
CONTENTS – NỘI DUNG

Main characteristics - Các đặc điểm chính	3
Straight section – Thân thẳng	4
90° Flat bend – Co ngang 90°	4
Equal tee – Ngã ba bằng nhau	5
Equal cross – Ngã tư bằng nhau	5
External 90° riser - Co đứng ngoài 90°	6
Internal 90° riser - Co đứng trong 90°	6
N.1 Reducer straight - Giảm 1 cấp hai bên	7
N.1 Reducer right hand - Giảm 1 cấp bên phải	7
N.1 Reducer left hand - Giảm 1 cấp bên trái	8
Installation accessories – Phụ kiện lắp đặt	8
Instructions for cutting and fitting the wire mesh with accessories Hướng dẫn cắt và ghép máng lưới với phụ kiện	9

Thông số kỹ thuật (Technical characteristics)

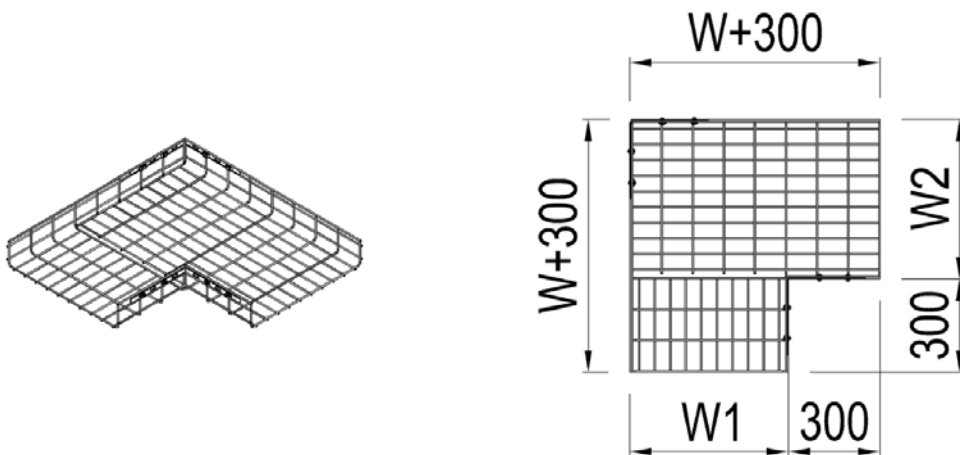
Standard <i>Tiêu chuẩn</i>		BSEN 61537:2007 - ISO 9227: 2006
Material <i>Vật liệu</i>		Steel with powder coated, Galvanized Steel; hot-dip galvanized Steel, Stainless Steel <i>Thép sơn tĩnh điện, Thép mạ kẽm; Thép nhúng kẽm nóng, Thép không gỉ</i>
Dimensions <i>Kích thước</i>	Height <i>Chiều cao</i>	50mm, 75mm, 100mm
	Width <i>Chiều rộng</i>	50mm, 75mm, 100mm, 150mm, 200mm, 300mm, 400mm, 500mm, 600mm,
	Length <i>Chiều dài</i>	3000mm
Diameter <i>Đường kính thép lưới</i>		3.8mm, 5.0mm, 6.0mm
Accessories <i>Phụ kiện</i>		Coupler, Tapping Screw, Bolt & Nut <i>Nối, ốc vít, ốc nối</i>

STRAIGHT SECTION – THÂN THẲNG



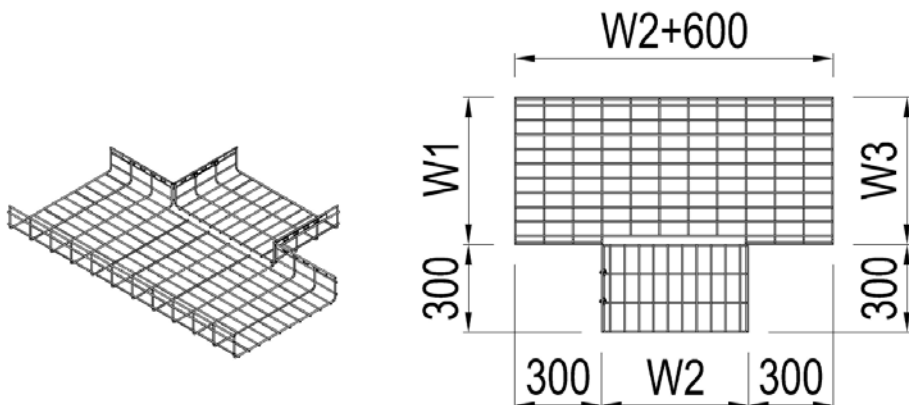
ITEM STT	ORDER CODE MÃ HÀNG	HEIGHT (H) CHIỀU CAO	WIDTH (W) CHIỀU RỘNG	MATERIAL VẬT LIỆU	DIAMETER (D) ĐƯỜNG KÍNH THÉP	LENGTH (L) CHIỀU DÀI
1	MCWB(H)01M(D)	50=50mm 75=75mm 10=100mm	01=100mm	M= Mild steel H=Hot dip gavanized S4=Stainless steel 304 S6=Stainless steel 316	38=3.8mm 50=5.0mm 60=6.0mm	3000mm
2	MCWB(H)02M(D)		02=200mm			
3	MCWB(H)03M(D)		03=300mm			
4	MCWB(H)04M(D)		04=400mm			
5	MCWB(H)05M(D)		05=500mm			
6	MCWB(H)06M(D)		06=600mm			

90° FLAT BEND - CO NGANG 90°



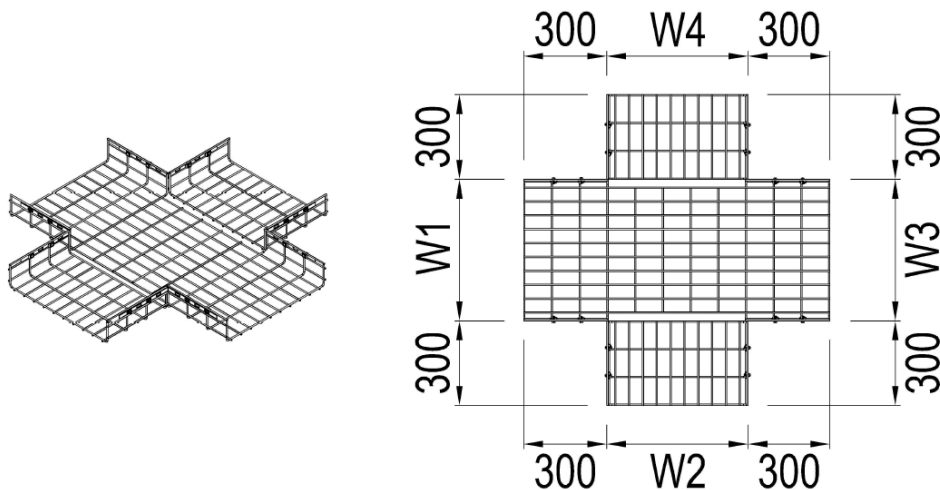
ITEM STT	ORDER CODE MÃ HÀNG	HEIGHT (H) CHIỀU CAO	WIDTH 1 (W1) CHIỀU RỘNG 1	WIDTH 2 (W2=W1) CHIỀU RỘNG 2	MATERIAL VẬT LIỆU	DIAMETER (D) ĐƯỜNG KÍNH THÉP
1	MCWE(H)01M(D)	50=50mm 75=75mm 10=100mm	01=100mm	01=100mm	M= Mild steel H=Hot dip gavanized S4=Stainless steel 304 S6=Stainless steel 316	38=3.8mm 50=5.0mm 60=6.0mm
2	MCWE(H)02M(D)		02=200mm	02=200mm		
3	MCWE(H)03M(D)		03=300mm	03=300mm		
4	MCWE(H)04M(D)		04=400mm	04=400mm		
5	MCWE(H)05M(D)		05=500mm	05=500mm		
6	MCWE(H)06M(D)		06=600mm	06=600mm		

EQUAL TEE - NGÃ BA BẰNG NHAU



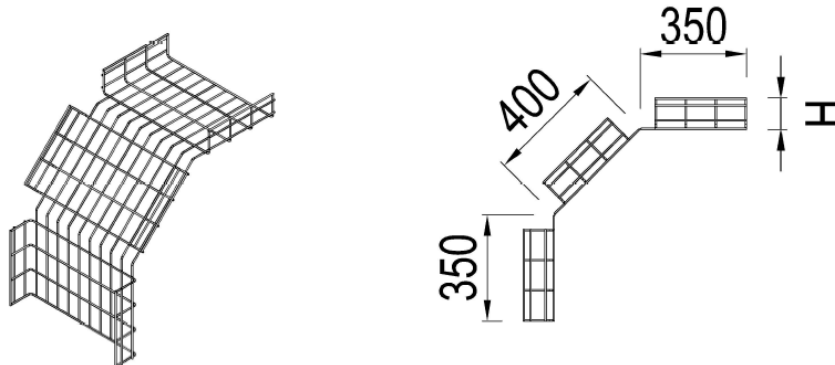
ITEM STT	ORDER CODE MÃ HÀNG	HEIGHT (H) CHIỀU CAO	WIDTH 1 (W1) CHIỀU RỘNG 1	WIDTH 2 (W2=W1) CHIỀU RỘNG 2	WIDTH 3 (W3=W1) CHIỀU RỘNG 3	MATERIAL VẬT LIỆU	DIAMETER (D) ĐƯỜNG KÍNH THÉP
1	MCWT(H)01M(D)	50=50mm 75=75mm 10=100mm	01=100mm	01=100mm	01=100mm	M= Mild steel	38=3.8mm 50=5.0mm 60=6.0mm
2	MCWT(H)02M(D)		02=200mm	02=200mm	02=200mm	H=Hot dip	
3	MCWT(H)03M(D)		03=300mm	03=300mm	03=300mm	gavanized	
4	MCWT(H)04M(D)		04=400mm	04=400mm	04=400mm	S4=Stainless steel	
5	MCWT(H)05M(D)		05=500mm	05=500mm	05=500mm	304	
6	MCWT(H)06M(D)		06=600mm	06=600mm	06=600mm	S6=Stainless steel 316	

EQUAL CROSS - NGÃ TƯ BẰNG NHAU



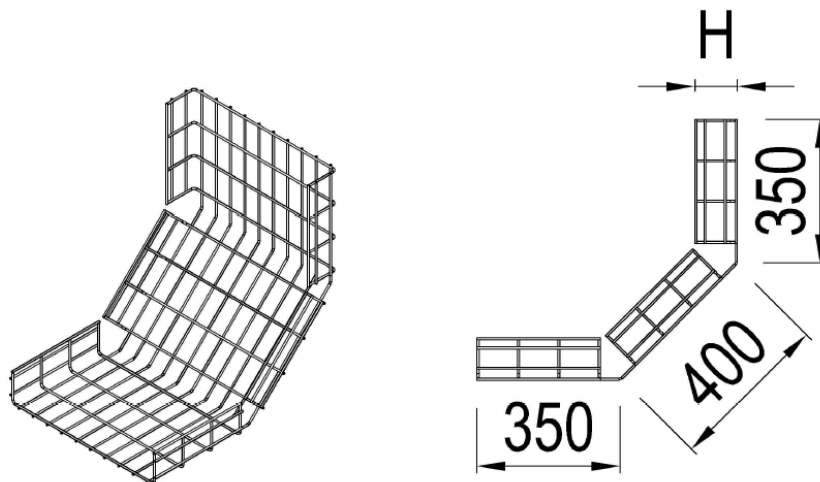
ITEM STT	ORDER CODE MÃ HÀNG	HEIGHT (H) CHIỀU CAO	WIDTH 1 (W1) CHIỀU RỘNG 1	WIDTH 2 (W2=W1) CHIỀU RỘNG 2	WIDTH 3 (W3=W1) CHIỀU RỘNG 3	WIDTH 4 (W4=W1) CHIỀU RỘNG 4	MATERIAL VẬT LIỆU	DIAMETER (D) ĐƯỜNG KÍNH THÉP
1	MCWX(H)01M(D)	50=50mm 75=75mm 10=100mm	01=100mm	01=100mm	01=100mm	01=100mm	M= Mild steel	38=3.8mm 50=5.0mm 60=6.0mm
2	MCWX(H)02M(D)		02=200mm	02=200mm	02=200mm	02=200mm	H=Hot dip	
3	MCWX(H)03M(D)		03=300mm	03=300mm	03=300mm	03=300mm	gavanized	
4	MCWX(H)04M(D)		04=400mm	04=400mm	04=400mm	04=400mm	S4=Stainless steel 304	
5	MCWX(H)05M(D)		05=500mm	05=500mm	05=500mm	05=500mm	S6=Stainless steel 316	
6	MCWX(H)06M(D)		06=600mm	06=600mm	06=600mm	06=600mm		

EXTERNAL 90° RISER - CO ĐỨNG NGOÀI 90°



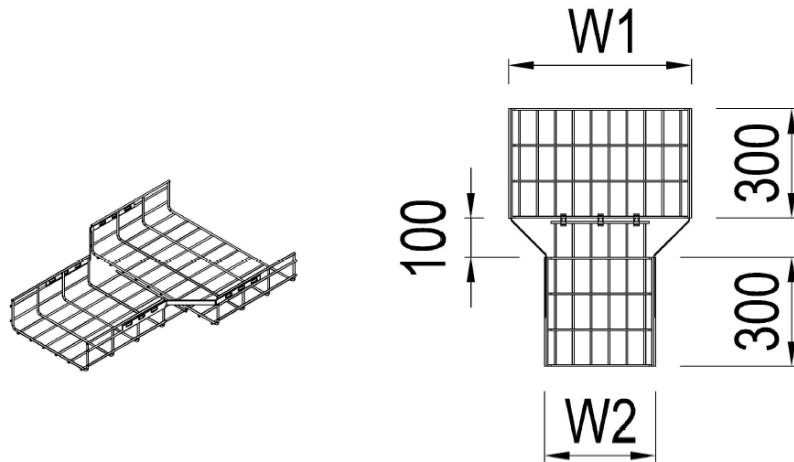
ITEM STT	ORDER CODE MÃ HÀNG	HEIGHT (H) CHIỀU CAO	WIDTH (W) CHIỀU RỘNG	MATERIAL VẬT LIỆU	DIAMETER (D) ĐƯỜNG KÍNH THÉP
1	MCWO(H)01M(D)	50=50mm 75=75mm 10=100mm	01=100mm	M= Mild steel H=Hot dip gavanized S4=Stainless steel 304 S6=Stainless steel 316	38=3.8mm 50=5.0mm 60=6.0mm
2	MCWO(H)02M(D)		02=200mm		
3	MCWO(H)03M(D)		03=300mm		
4	MCWO(H)04M(D)		04=400mm		
5	MCWO(H)05M(D)		05=500mm		
6	MCWO(H)06M(D)		06=600mm		

INTERNAL 90° RISER - CO ĐỨNG TRONG 90°



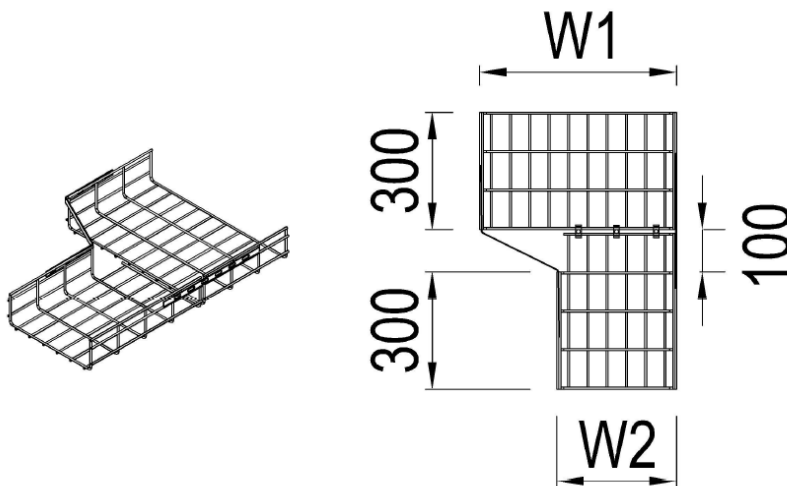
ITEM STT	ORDER CODE MÃ HÀNG	HEIGHT (H) CHIỀU CAO	WIDTH (W) CHIỀU RỘNG	MATERIAL VẬT LIỆU	DIAMETER (D) ĐƯỜNG KÍNH THÉP
1	MCWI(H)01M(D)	50=50mm 75=75mm 10=100mm	01=100mm	M= Mild steel H=Hot dip gavanized S4=Stainless steel 304 S6=Stainless steel 316	38=3.8mm 50=5.0mm 60=6.0mm
2	MCWI(H)02M(D)		02=200mm		
3	MCWI(H)03M(D)		03=300mm		
4	MCWI(H)04M(D)		04=400mm		
5	MCWI(H)05M(D)		05=500mm		
6	MCWI(H)06M(D)		06=600mm		

N.1 REDUCER STRAIGHT - GIẢM 1 CẤP HAI BÊN



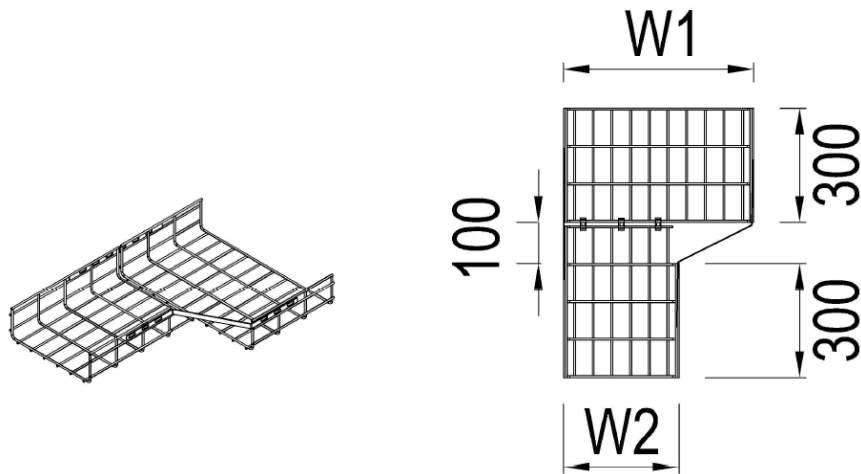
ITEM STT	ORDER CODE MÃ HÀNG	HEIGHT (H) CHIỀU CAO	WIDTH 1 (W1) CHIỀU RỘNG 1	WIDTH 2 (W2) CHIỀU RỘNG 2	MATERIAL VẬT LIỆU	DIAMETER (D) ĐƯỜNG KÍNH THÉP
1	MCW1S(H)0201M(D)	50=50mm 75=75mm 10=100mm	02=200mm	01=100mm	M= Mild steel	38=3.8mm 50=5.0mm 60=6.0mm
2	MCW1S(H)0302M(D)		03=300mm	02=200mm	H=Hot dip gavanized	
3	MCW1S(H)0403M(D)		04=400mm	03=300mm	S4=Stainless steel 304	
4	MCW1S(H)0504M(D)		05=500mm	04=400mm	S6=Stainless steel 316	
5	MCW1S(H)0605M(D)		06=600mm	05=500mm		
6	MCW1S(H)0706M(D)		07=700mm	06=600mm		

N.1 REDUCER RIGHT HAND - GIẢM 1 CẤP BÊN PHẢI



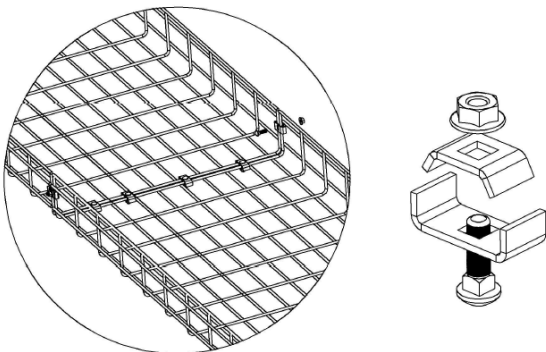
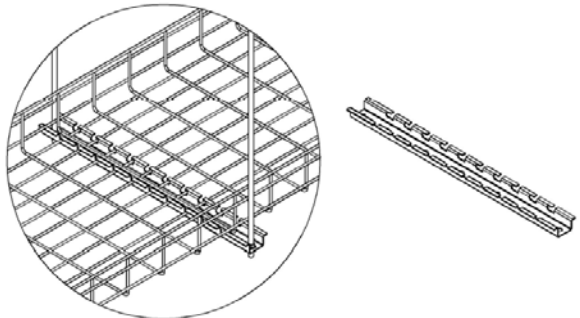
ITEM STT	ORDER CODE MÃ HÀNG	HEIGHT (H) CHIỀU CAO	WIDTH 1 (W1) CHIỀU RỘNG 1	WIDTH 2 (W2) CHIỀU RỘNG 2	MATERIAL VẬT LIỆU	DIAMETER (D) ĐƯỜNG KÍNH THÉP
1	MCW1R(H)0201M(D)	50=50mm 75=75mm 10=100mm	02=200mm	01=100mm	M= Mild steel	38=3.8mm 50=5.0mm 60=6.0mm
2	MCW1R(H)0302M(D)		03=300mm	02=200mm	H=Hot dip gavanized	
3	MCW1R(H)0403M(D)		04=400mm	03=300mm	S4=Stainless steel 304	
4	MCW1R(H)0504M(D)		05=500mm	04=400mm	S6=Stainless steel 316	
5	MCW1R(H)0605M(D)		06=600mm	05=500mm		
6	MCW1R(H)0706M(D)		07=700mm	06=600mm		

N.1 REDUCER LEFT HAND - GIẢM 1 CẤP BÊN TRÁI

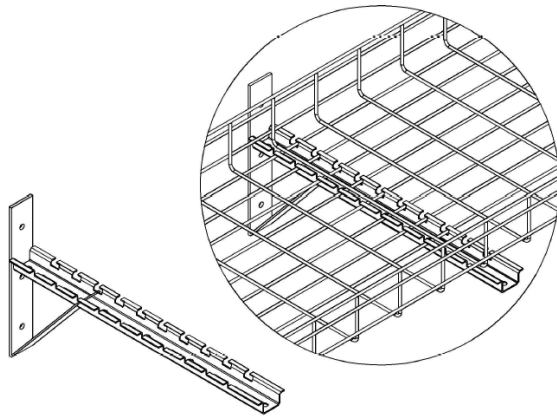


ITEM STT	ORDER CODE MÃ HÀNG	HEIGHT (H) CHIỀU CAO	WIDTH 1 (W1) CHIỀU RỘNG 1	WIDTH 2 (W2) CHIỀU RỘNG 2	MATERIAL VẬT LIỆU	DIAMETER (D) ĐƯỜNG KÍNH THÉP
1	MCW1L(H)0201M(D)	50=50mm 75=75mm 10=100mm	02=200mm	01=100mm	M= Mild steel H=Hot dip gavanized S4=Stainless steel 304 S6=Stainless steel 316	38=3.8mm 50=5.0mm 60=6.0mm
2	MCW1L(H)0302M(D)		03=300mm	02=200mm		
3	MCW1L(H)0403M(D)		04=400mm	03=300mm		
4	MCW1L(H)0504M(D)		05=500mm	04=400mm		
5	MCW1L(H)0605M(D)		06=600mm	05=500mm		
6	MCW1L(H)0706M(D)		07=700mm	06=600mm		

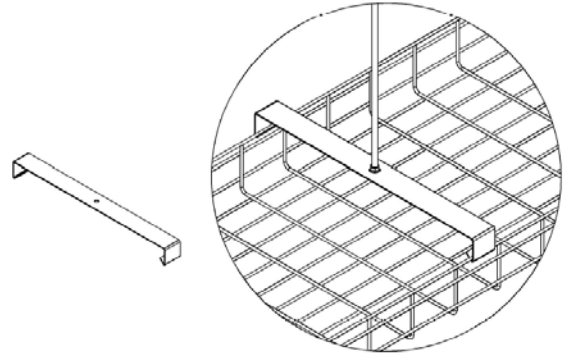
INSTALLATION ACCESSORIES – PHỤ KIỆN LẮP ĐẶT

WIRE MESH CABLE TRAY CLAMP CONNECTOR KẸP NỐI MẢNG LƯỚI 	WIRE MESH CABLE TRAY OMEGA BAR SUPPORT THANH OMEGA ĐỖ MẢNG LƯỚI 
---	---

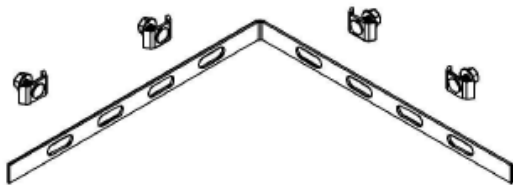
WIRE MESH CABLE ARM OMEGA TYPE
TAY ĐỖ OMEGA MÁNG LƯỚI



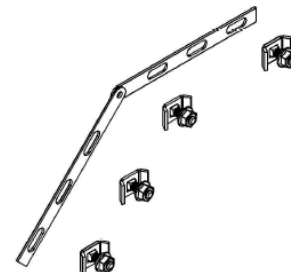
WIRE MESH CABLE TRAY HANGER
CỤM TREO MÁNG LƯỚI



WIRE MESH CABLE CLAMP CONNECTOR
BỘ KẸP NỐI CO TE MÁNG LƯỚI

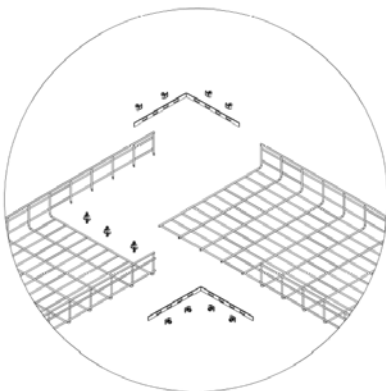


WIRE MESH CABLE UP DOWN CLAMP
CONNECTOR
BỘ KẸP NỐI CO LÊN XUỐNG MÁNG LƯỚI

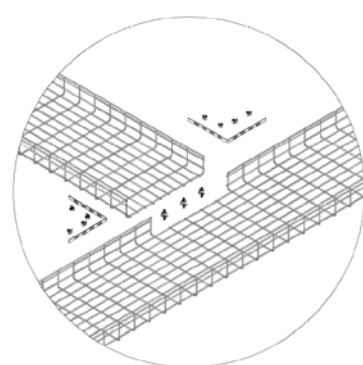


INSTRUCTIONS FOR CUTTING AND FITTING THE WIRE MESH WITH ACCESSORIES HƯỚNG DẪN CẮT VÀ GHÉP MÁNG LƯỚI VỚI PHỤ KIỆN

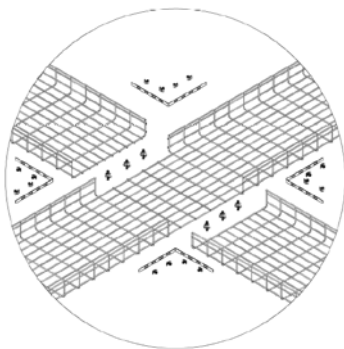
90° FLAT BEND - CO NGANG 90°



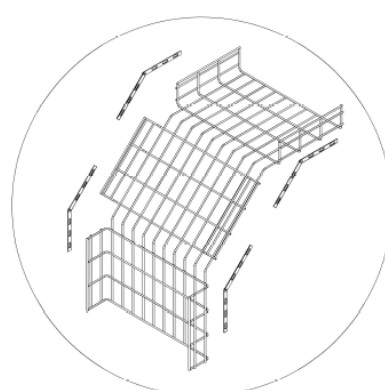
TEE - NGÃ BA



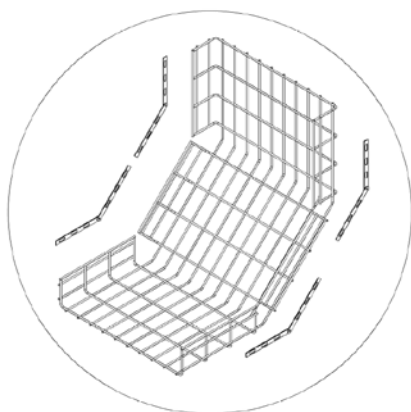
CROSS - NGÃ TƯ



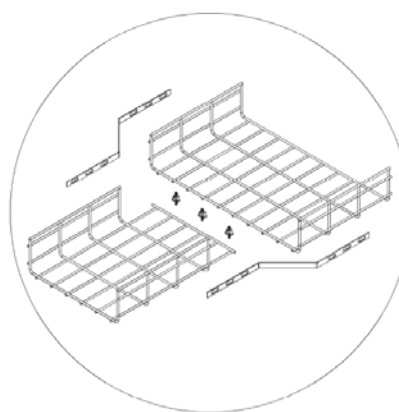
EXTERNAL 90° RISER - CỘ ĐỨNG NGOÀI 90°



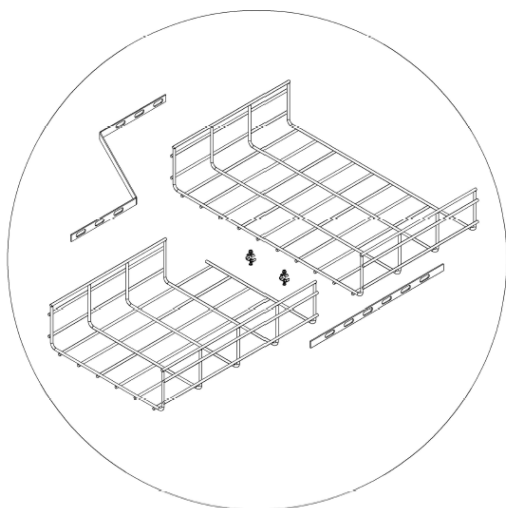
INTERNAL 90° RISER - CỘ ĐỨNG TRONG 90°



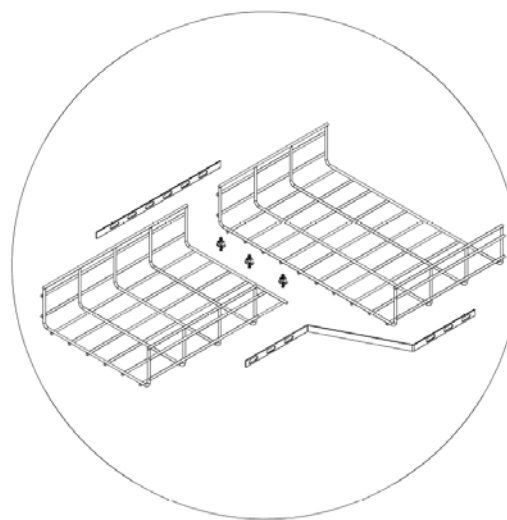
REDUCER STRAIGHT - GIẢM CẤP HAI BÊN



REDUCER RIGHT HAND - GIẢM CẤP BÊN PHẢI



REDUCER LEFT HAND - GIẢM CẤP BÊN TRÁI



QUALITY
EFFICIENCY
PROFESSIONAL



MECHANICAL ELECTRICAL ENGINEERING JSC.

Lot HT-E10-6-9, Road No. 19, Hiep Phuoc Industrial Park, Hiep Phuoc Commune, Ho Chi Minh City, Viet Nam
<https://mee.com.vn> Email: info@mee.com.vn Tel: (+84) 938 848 788 Tax code: 0310 439 936